

Bản án số: 27/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 12/6/2025

V/v "Ly hôn, nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MINH HÓA, TỈNH QUẢNG BÌNH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đinh Đức Cảnh

Ông Đinh Hồng Sâm

Bà Cao Thị Thu Nga

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Đinh Bá Thi - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Minh Hóa, tỉnh Quảng Bình.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Minh Hóa tham gia phiên tòa:** Bà Mai Thị Thu Hiền- Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 6 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Minh Hóa, tỉnh Quảng Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 20/2025/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 3 năm 2025 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 20/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 5 năm 2025, giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Chị Hồ Thị N, sinh năm 1989; địa chỉ: thôn L, xã T, huyện M, tỉnh Quảng Bình; địa chỉ liên hệ: bản C, xã T, huyện Q, tỉnh Quảng Bình (có đơn xin xét xử vắng mặt).

2. **Bị đơn:** Anh Cao Xuân H, sinh năm 1988; địa chỉ: thôn L, xã T, huyện M, tỉnh Quảng Bình (vắng mặt không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Hồ Thị N trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Cao Xuân H tự tìm hiểu và tiến đến hôn nhân vào năm 2012, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Q, tỉnh Quảng Bình vào ngày 11/12/2012. Từ năm 2018, vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, do đó đã sống ly thân từ đó đến nay, không ai quan tâm, chăm sóc đến nhau. Trong cuộc sống thường ngày, vợ chồng thường xuyên cự cãi, anh H không chăm sóc chị, bỏ mặc chị. Nhận thấy tình

cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, do đó, chị N yêu cầu ly hôn với anh Cao Xuân H để giải thoát cho cả hai bên.

- Về con chung: vợ chồng có 01 con chung tên Cao Hồ H1, sinh ngày 07/9/2013. Hiện nay, cháu H1 đang sống với anh H. Nhận thấy cuộc sống của cháu đang ổn định, do đó, chị N đồng ý giao con cho anh H nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con, chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: không có.

Bị đơn anh Cao Xuân H vắng mặt nên không ghi nhận được ý kiến.

Tại phiên tòa,

- Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt và giữ nguyên toàn bộ yêu cầu khởi kiện.

- Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do nên không ghi nhận được ý kiến.

- Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

Việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án dân sự ở giai đoạn sơ thẩm: Người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đã làm đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung: Căn cứ Điều 147, 227, 228, 235, 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, 56, 58 của Luật hôn nhân và Gia đình. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Hồ Thị N; về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị N và anh H; về con chung: Anh Cao Xuân H được trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Cao Hồ H1; về cấp dưỡng nuôi con: Chị N có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.750.000 đồng cho đến khi con đủ 18 tuổi; về tài sản chung và nợ chung: không có nên không xét; về án phí: chị N phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Chị Hồ Thị N khởi kiện yêu cầu ly hôn và giải quyết vấn đề nuôi con chung khi ly hôn với anh Cao Xuân H là tranh chấp về hôn nhân và gia đình. Đồng thời, qua xác minh tại địa phương được biết anh H có nơi cư trú tại thôn L, xã T, huyện M, tỉnh Quảng Bình nên Tòa án nhân dân huyện Minh Hóa thụ lý giải quyết là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2] Bị đơn anh Cao Xuân H đã được triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh T theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị N và anh H tự nguyện kết hôn vào năm 2012 và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên quan hệ hôn nhân giữa chị N và anh H là hợp pháp, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ.

Chị N cho rằng vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống, hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, hiện nay đã sống ly thân từ năm 2018. Xét thấy, xuất phát từ mâu thuẫn trong thời gian chung sống, vợ chồng bất đồng quan điểm sống và hiện nay đã sống ly thân. Vợ chồng không quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Bên cạnh đó, Tòa án đã tiến hành hòa giải tuy nhiên, anh H không có thiện chí tham gia hòa giải để hàn gắn tình cảm. Nên có căn cứ xác định mâu thuẫn giữa chị N và anh H là trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị N đối với anh H theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[2.2] Về quan hệ con chung: Chị N và anh H có 01 con chung tên Cao Hồ H1, sinh ngày 07/9/2013, hiện nay đang sống với anh H. Khi ly hôn, chị N đồng ý giao con cho anh H nuôi dưỡng.

Xét thấy, con chung đang sống với anh H, cháu có nguyện vọng muốn sống với cha khi cha mẹ ly hôn. Do đó, để đảm bảo ổn định cuộc sống cho con chung, giúp con chung phát triển tốt về thể chất, tinh thần, Hội đồng xét xử giao cháu Cao Hồ H1 cho anh H tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng theo Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con: Hội đồng xét xử xét thấy, anh H là người trực tiếp nuôi dưỡng con chung sau khi ly hôn nên chị N phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại khoản 2 Điều 82, Điều 110, Điều 116 và Điều 117 Luật Hôn nhân và Gia đình. Căn cứ Điều 7 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về Hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình buộc chị N phải cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.750.000 đồng.

[2.3] Đối với quan hệ tài sản chung và nợ chung: Không có nên không xét.

[3] Về án phí: Chị N phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 6 Điều 27, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

[4] Xét ý kiến về việc giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát: xét thấy ý kiến của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 235, 238, 266, 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Các Điều 51, 56, 58, 110, 116, 117 và Điều 118 của Luật hôn nhân và Gia đình;

Các điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Hồ Thị N:

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Hồ Thị N và anh Cao Xuân H.

1.2. Về quan hệ con chung: Giao con chung là Cao Hồ H1, sinh ngày 07/9/2013 cho anh Cao Xuân H trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng.

1.3. Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Hồ Thị N có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.750.000 đồng cho đến khi con đủ 18 tuổi. Thời gian cấp dưỡng kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định tại Điều 118 của Luật hôn nhân và gia đình. Phương thức cấp dưỡng hàng tháng.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được quyền cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, giáo dục con.

Khi cần thiết, trên cơ sở lợi ích của con thì cha, mẹ trực tiếp nuôi con, cha, mẹ không trực tiếp nuôi con, cơ quan, tổ chức và cá nhân có thẩm quyền có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

1.4. Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Không có nên không xét.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Hồ Thị N phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tạm ứng án phí 300.000 (ba trăm nghìn) đồng đã nộp theo biên lai số 0000693 ngày 14/3/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Minh Hóa, tỉnh Quảng Bình.

Chị Hồ Thị N phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự được bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung Luật Thi hành án dân sự năm 2014, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, và 9 Luật Thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Bình;
- VKSND tỉnh Quảng Bình;
- VKSND huyện Minh Hóa;
- Chi cục THADS huyện Minh Hóa;
- Đương sự;
- UBND xã Trường Sơn, huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Đinh Đức Cảnh